

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HS - ST

Ngày: 29 - 4 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Sinh, ông Đặng Xuân Hợp

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thái Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 22/2021/TLST - HS ngày 01/4/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐXXST - HS ngày 15 tháng 4 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đỗ Đình D** (tên gọi khác: Trịnh Ngọc A), S1 năm 1999 tại thành phố C, tỉnh Hải Dương

Nơi cư trú: Khu dân cư T, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Đình D và bà Trịnh Thị Hồng T; bị cáo là con duy nhất trong gia đình; tiền án: Không; có 02 tiền sự: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 16/QĐ-XPHC ngày 20/3/2017 của Công an phường Cộng Hòa, thị xã Chí Linh (nay là thành phố Chí Linh), tỉnh Hải Dương về hành vi trộm cắp tài sản với hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 18/QĐ-XPHC ngày 29/3/2017 của Công an phường Cộng Hòa, thị xã Chí Linh (nay là thành phố Chí Linh), tỉnh Hải Dương về hành vi trộm cắp tài sản với hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng, bị cáo chưa chấp hành 02 quyết định trên; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/12/2020 đến ngày 25/12/2020 thì bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương, có mặt.

*** Bị hại:**

1. Anh Nguyễn Hữu S, sinh năm 1977

Nơi cư trú: Số nhà 3, ngõ 6, đường T, khu dân cư Tr, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương, có mặt.

2. Anh Nguyễn Hữu V, sinh năm 1982

3. Chị Trịnh Thị N, sinh năm 1984

Đều cư trú: Số nhà 18, đường Ch, khu dân cư Th1, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương, đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Chị Lê Thị N1, sinh năm 1980

5. Anh Nguyễn Xuân S1, sinh năm 1975

Đều cư trú: Khu đô thị Li, thuộc dân cư Th3, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương, đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Đinh Văn C, sinh năm 1989

Nơi cư trú: Đội 1, phường T, thị xã K, tỉnh Hải Dương, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Thôn K, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

** Người làm chứng:*

1. Anh Đặng Văng V, sinh năm 1972

Nơi cư trú: Số nhà 34, đường L, khu dân cư H phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do muốn có tiền tiêu sài cá nhân nên trong thời gian từ ngày 27/11/2020 đến ngày 11/12/2020, **Đỗ Đình D (tên gọi khác: Trịnh Ngọc A)** đã thực hiện 03 hành vi chiếm đoạt tài sản tại địa bàn phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Cụ thể:

Hành vi thứ nhất: Khoảng 03 giờ ngày 27/11/2020, D đi bộ từ phòng trọ của mình **tại số 2, ngõ 6, đường T, khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương** ra ngoài mục đích tìm nhà dân nào có tài sản sơ hở thì trộm cắp. Khi đi đến nhà anh Nguyễn Hữu S tại số 3, ngõ 6, đường T, khu dân cư Tr, phường S. Thấy trong nhà điện sáng, cửa xếp bằng sắt không khoá. D đi đến nhìn qua khe cửa thấy anh S đang nằm ngủ trên giường, trong nhà có dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA NOUVO, màu sơn nâu xám, biển kiểm soát 34P1-5939, đầu xe quay vào trong, đuôi xe quay ra phía cửa, xe vẫn cắm chìa khóa ở ổ khóa. D dùng tay kéo nhẹ cửa xếp, cửa kính phía trong ra rồi đi đến dắt chiếc xe mô tô ra khỏi nhà. Ra đến đầu ngõ, D ngồi lên xe, mở khóa điện rồi đề nổ máy điều khiển xe đi đến khu vực D, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, D gặp và bán chiếc xe nêu trên cho anh Đinh Văn C với giá 3.000.000 đồng (anh C không biết chiếc xe là tài sản do D trộm cắp mà có). Sau khi mua xe, anh C sử dụng

xe làm phương tiện đi lại. Khi biết chiếc xe trên có nguồn gốc do D trộm cắp mà có, anh C đã giao nộp lại chiếc xe cho Cơ quan điều tra Công an thành phố Chí Linh.

Hành vi thứ hai: Khoảng 01 giờ ngày 10/12/2020, D đi bộ từ phòng trọ đến nhà anh Nguyễn Hữu V và chị Trịnh Thị N tại số 18, đường C, khu dân cư Th2, phường S. Thấy đèn ở quán bán hàng khu vực trước cửa nhà sáng, trong quán không có ai, D trèo qua tường vào khuôn đất trống tiếp giáp bên phải quán nhà anh V, chị N và đi về phía sau trèo qua tường vào khu vực bếp trong quán nhà anh V, chị N. Sau đó, D đi vòng qua quầy bán hàng đến cửa chính vào nhà. Thấy cửa chính đóng nhưng không khoá, D mở cửa chính rồi đi vào phòng khách. Thấy cửa vào phòng ngủ đầu hồi bên tay phải mở, có ánh sáng đèn ngủ, D đi vào trong phòng, thấy chị N đang ngủ trên giường, bên tay trái lối cửa đi vào phòng có một hòm tôn, kích thước (25 x 16 x 10,5) cm để trên kết sắt. D bê chiếc hòm tôn trên ra khu vực góc vãi cạnh khu vực bán hàng của quán mở hòm ra, thấy bên trong có số tiền 2.900.000 đồng, D lấy tiền rồi bỏ lại hòm tôn và đi ra ngoài theo đường cũ.

Hành vi thứ ba: Khoảng hơn 23 giờ ngày 11/12/2020, D đi bộ từ phòng trọ đến nhà chị Lê Thị N1 và anh Nguyễn Xuân S1 tại khu đô thị Lthuộc khu dân cư Th3, phường S. Quan sát thấy ở cuối nhà có ô cửa kính nhà vệ sinh mở, D đi theo khoảng trống giữa hai nhà. Quan sát xung quanh không có ai, ô cửa không có chấn song. D đứng trên bệ bê tông đối diện ô cửa rồi chui người qua ô cửa kính vào trong và vào các phòng ở tầng 01, tìm tài sản nhưng không thấy gì. D tiếp tục đi lên tầng 02, qua ánh sáng đèn cầu thang thấy phòng bên tay phải hướng từ dưới cầu thang đi lên cửa mở, vợ chồng chị N1 đang ngủ trong phòng. Trên bàn để chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Acer Aspire E1-470 và chuột không dây nhãn hiệu Logitech M220. D lấy máy tính và chuột cầm trên tay rồi đi sang phòng bên tay trái hướng từ dưới cầu thang đi lên. Thấy ở gần đầu giường có chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung J7 pro màu đen, bên trong lắp Sim Mobifone số 077.835.7370 để trên nền nhà đang cắm sạc pin. D đi đến rút sạc điện rồi lấy chiếc điện thoại đút vào túi. Sau đó, D đi xuống tầng 01 chui qua cửa sổ ra ngoài rồi đi về phòng trọ. Đến trưa ngày 12/12/2020, D mang chiếc máy tính xách tay và chuột không dây đến quán sửa chữa máy tính của Nguyễn Văn T tại số 37A, đường H, khu dân cư Th2, phường S gạ bán. Anh T không biết chiếc máy tính và chuột là tài sản trộm cắp mà có nên đã mua của D với giá 1.100.000 đồng. Còn chiếc điện thoại **trên đường đi bán máy tính D làm rơi mất**. Khi biết chiếc máy tính mua của D là tài sản do trộm cắp mà có, anh T đã giao nộp lại cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Chí Linh.

Toàn bộ số tiền bán tài sản và tiền chiếm đoạt được D đã tiêu sài cá nhân hết.

Tại kết luận định giá tài sản số 71 ngày 22/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản UBND thành phố Chí Linh kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA NOUVO, màu sơn nâu xám, biển kiểm soát 34P1-5539, số khung 109Y099412, số máy 5P11099412, tại thời điểm ngày 27/11/2020 trị giá là 9.200.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 74 ngày 25/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản UBND thành phố Chí Linh kết luận: Tại thời điểm ngày 11/12/2020, chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 Pro màu đen, trị giá 2.100.000 đồng; 01 sim điện thoại Mobifone, số thuê bao 0778357370 trị giá 25.000 đồng; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Acer Aspire E1-470, màu đen, màn hình 14 inch, ram 2 Gb, ổ cứng 500 GB trị giá 4.200.000 đồng; 01 chuột không dây nhãn hiệu Logitech M220, màu đen trị giá 150.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 6.475.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt trong 03 lần là 18.575.000 đồng.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Chí Linh đã trả lại anh Nguyễn Hữu S chiếc xe mô tô. Trả lại chị Lê Thị N1 và anh Nguyễn Xuân S1 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Acer Aspire E1-470 và chuột không dây nhãn hiệu Logitech M220. Anh Nguyễn Hữu S không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự. Anh Nguyễn Hữu V và chị Trịnh Thị N yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.900.000 đồng. Chị Lê Thị N1 và anh Nguyễn Xuân S1 yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị chiếc điện thoại bị trộm cắp là 2.125.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 23/CT - VKS - CL ngày 30/3/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương đã truy tố bị cáo Đỗ Đình D (tên gọi khác: Trịnh Ngọc A) về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà: Bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên và xin lỗi người bị hại là anh Nguyễn Hữu S, xác định việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh đối với mình là đúng và xin giảm nhẹ hình phạt. Anh Nguyễn Hữu S xác định đã nhận lại chiếc xe mô tô mà bị cáo đã chiếm đoạt của anh, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm về dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo từ 24 đến 27 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 22/12/2020. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường anh Nguyễn Hữu V và chị Trịnh Thị N số tiền 2.900.000 đồng; bồi thường chị Lê Thị N1 và anh Nguyễn Xuân S1 số tiền 2.125.000 đồng. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của các nạn nhân, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai người làm chứng, vật chứng đã thu giữ, kết luận định giá và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Nên có đủ căn cứ kết luận: Từ ngày 27/11/2020 đến ngày 11/12/2020, Đỗ Đình D (tên gọi khác: Trịnh Ngọc A) đã thực hiện 03 hành vi chiếm đoạt tài sản. Cụ thể:

Khoảng 03 giờ ngày 27/11/2020, tại nhà anh Nguyễn Hữu S tại số 3, ngõ 6, đường Th, khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương, D lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt của anh S 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA NOUVO, màu nâu xám, biển kiểm soát 34P1-5939, trị giá 9.200.000 đồng.

Khoảng 01 giờ ngày 10/12/2020, tại nhà anh Nguyễn Hữu V và chị Trịnh Thị N tại số 18, đường C, khu dân cư Th 2, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương, D đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của anh V và chị N số tiền 2.900.000 đồng.

Khoảng 23 giờ ngày 11/12/2020, tại nhà chị Lê Thị N1 và anh Nguyễn Xuân S1 tại khu đô thị L thuộc khu dân cư Th 3, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương, D đã lén lút chiếm đoạt của chị N1 và anh S1 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Acer Aspire E1-470, 01 chuột không dây nhãn hiệu Logitech M220 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 Pro màu đen, bên trong lắp sim Mobifone số 077.835.7370, tổng trị giá 6.475.000 đồng.

[3] Các hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an và gây hoang mang bức xúc trong nhân dân. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện với sự liều lĩnh và quyết tâm cao. Tổng giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt qua 03 lần là 18.575.000 đồng. Do vậy, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương đối với các bị cáo.

[4] Bị cáo thực hiện 03 hành vi chiếm đoạt tài sản, mỗi hành vi đều đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Do vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Sau khi thực hiện các hành vi phạm tội bị cáo đã đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Chí Linh đầu thú. Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai nhận tội. Tại phiên tòa anh Nguyễn Hữu S là người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Nên, bị cáo được hưởng 01 tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 và 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu. Năm 2017, đã 02 lần bị Công an phường Cộng Hòa, thị xã Chí Linh (nay là thành phố Chí Linh), tỉnh Hải Dương xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản với hình thức phạt tiền. Bị cáo không lấy đó là bài học để tu dưỡng bản thân, chưa thi hành các quyết định trên, nay lại thực hiện nhiều hành vi trộm cắp tài sản trong một thời gian ngắn. Điều này thể hiện bị cáo là người có ý thức coi thường pháp luật.

[7] Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng một hình phạt tù cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian, tương xứng với tính chất các hành vi mà bị cáo đã mới đảm bảo mục đích trừng trị, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt và răn đe phòng ngừa tội phạm.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Hữu V và chị Trịnh Thị N yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền đã bị bị cáo chiếm đoạt; chị Lê Thị N1 và anh Nguyễn Xuân S1 yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị chiếc điện thoại đã bị bị cáo chiếm đoạt không thu hồi được theo giá mà Hội đồng định giá đã định giá. Do vậy, cần buộc bị cáo phải bồi thường cho anh V và chị N số tiền 2.900.000 đồng, bồi thường cho chị N1 và anh S1 số tiền 2.125.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự.

Đối với số tiền 3.000.000 đồng anh Đinh Văn C đã trả bị cáo để mua chiếc xe mô tô và số tiền 1.100.000 đồng anh Nguyễn Văn T đã trả bị cáo để mua chiếc máy tính. Anh C và anh T đều có quan điểm cho bị cáo, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[10] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Chí Linh đã trả lại chiếc xe mô tô cho anh S; trả lại chiếc hòm tôn cho anh V và chị N; trả lại chiếc máy tính kèm theo chuột không dây cho chị N1 và anh S1 nên không đặt ra việc xử lý đối với những vật chứng này.

[11] Anh Đinh Văn C và anh Nguyễn Văn T là những người đã mua chiếc xe mô tô và máy tính của bị cáo không biết các tài sản trên là do phạm tội mà có nên không đặt ra xem xét.

[12] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 357, Điều 468, Điều 584,

Điều 589 Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đỗ Đình D (tên gọi khác: Trịnh Ngọc A) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Đỗ Đình D (tên gọi khác: Trịnh Ngọc A) 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 22/12/2020.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đỗ Đình D (tên gọi khác: Trịnh Ngọc A) phải bồi thường anh Nguyễn Hữu V, sinh năm 1982 và chị Trịnh Thị N, sinh năm 1984; đều cư trú: Số nhà 18, đường C, khu dân cư Th 2, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương số tiền 2.900.000 đồng. Bồi thường chị Lê Thị N1, sinh năm 1980 và anh Nguyễn Xuân S1, sinh năm 1975; đều cư trú: Khu đô thị L thuộc khu dân cư Th3, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương số tiền 2.125.000 đồng.

Kể từ ngày anh V, chị N, chị N1, anh S1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không thi hành khoản tiền bồi thường nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về xử lý vật chứng: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Buộc bị cáo Đỗ Đình D (tên gọi khác: Trịnh Ngọc A) phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi thành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Chí Linh;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Công an TP. Chí Linh;
- CC THADS TP. Chí Linh;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**Nguyễn Văn Lâm**